

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quang Vịnh - Thư ký Tòa án Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm 3, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An “vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt”

Bị đơn: Anh Ngô Lương D, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/5/2020 và tại bản tự khai ngày 09/6/2020 chị Trần Thị T khai: Chị và anh Ngô Lương D có quá trình tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 24/02/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn do hai bên hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau đi làm ăn và chung sống ở miền nam, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì không hợp tính cách, thiếu tin tưởng, thiếu quan tâm đến nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm và cả hai đều không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống

ly thân từ đầu năm 2018, hiện nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn.

Về con chung của vợ chồng: Chị Trần Thị T trình bày vợ chồng có một người con chung tên là Ngô Trần Lương B, sinh ngày 19/01/2016. Hiện tại con đang sống cùng anh D và mẹ của anh D, vì vậy sau khi ly hôn chị đồng ý để cho anh Ngô Lương D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị T thừa nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã thụ lý vụ án theo yêu cầu của chị Trần Thị T và triệu tập hai bên đương sự đến tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình để giải quyết nhiều lần, nhưng việc triệu tập và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt chị Trần Thị T còn anh Ngô Lương D vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Theo địa chỉ mà chị Thanh cung cấp nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh D, Tòa án đã phối hợp với địa phương trực tiếp xác minh tại nhà của bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ của anh Ngô Lương D. Bà V cho biết: Anh Ngô Lương D là con trai của bà, anh D có hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã T, huyện T, hiện nay anh D đang đi làm ăn ở miền nam, địa chỉ cụ thể ở đâu thì bà không biết. Thời điểm Tòa án gửi các thông báo và giấy triệu tập đối với anh D đến Tòa án để làm việc thì anh D đang ở nhà và đã trực tiếp nhận được các thông báo của Tòa án, nhưng vì bận công việc gia đình nên anh D không đến Tòa án. Về quan điểm giải quyết vụ án thì anh D có trình bày với bà V là đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị T, việc nuôi con anh D có nguyện vọng được nuôi con, về tài sản chung của hai người không có.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết vụ án của Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo các quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đảm bảo quyền lợi của đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xử vắng mặt chị Trần Thị T và anh Ngô Lương D. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T ly hôn anh D; Về con chung của vợ chồng, áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình giao con Ngô Trần Lương B, sinh ngày 19/01/2016 cho anh Ngô Lương D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Trần Thị T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định; Về án phí chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Ngô Lương D, đây là tranh chấp về ly hôn. Hiện tại anh Ngô Lương D có hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ, bị đơn anh Ngô Lương D mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Trần Thị T và anh Ngô Lương D.

[2] Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tình cảm vợ chồng: Chị Trần Thị T và anh Ngô Lương D có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Trần Thị T xin ly hôn với anh Ngô Lương D vì bất đồng quan điểm sống, hai người không hợp tính nhau, không tin tưởng nhau, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Ngô Lương D không có mặt tại Tòa án, không còn quan tâm đến vợ con. Vì vậy chị T có yêu cầu ly hôn với anh D là có cơ sở nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Ngô Lương D.

Về nuôi con chung của vợ chồng: Hiện tại con chung của vợ chồng đang còn nhỏ và ở cùng với mẹ của anh D. Ý kiến của chị T là muốn giao con cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và qua ý kiến trình bày của bà V là mẹ của anh D cho biết anh T cũng có nguyện vọng được nuôi con. Vì vậy, cần căn cứ các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Ngô Trần Lương B cho anh Ngô Lương D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Buộc chị Trần Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử vắng mặt chị Trần Thị T và anh Ngô Lương D

1. Về tình cảm vợ chồng: Xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Ngô Lương D.

2. Về nuôi con chung của vợ chồng: Xử giao cháu Ngô Trần Lương B, sinh ngày 19/01/2016 cho anh Ngô Lương D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc chị Trần Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003894 ngày 13/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá, nay được khấu trừ, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu Hồ sơ - Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hữu Tình

